

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 10 / 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Sa Thầy

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Đào Quang Trang	U 334642	6/3/2002	Sa Nghĩa	48	2	415	ONT	
2	A Ger-Y Lek	BC 389729	8/3/2009	X. Hơ Moong	13,19,85,374,451	2,17,45	82154	LUC+HNK	
3	Nguyễn Hữu Thanh-Lý Thị Phương Mai	DA 714982	2/25/2021	TT. Sa Thầy	42	87	270.7	ODT	
4	Nguyễn Ái-Hoàng Thị Hoa	T 925869	7/31/2001	Sa Bình	149	1	703	TC+KTV	
5	A Bin	T 932138	9/12/2001	X. Mo Rai	30	05	1648	TC+KTV	
6	Trương Văn An	AG 441011	7/12/2006	TT. Sa Thầy	10A	71	197	ODT+HNK	
7	A Phaoh	AG 536653	8/3/2009	X. Hơ Moong	9 thửa	0	84405	LUA + HNK	
8	Mạc Quang Lộc-Nguyễn Thị Như Quỳnh	CV 521568	4/13/2021	TT. Sa Thầy	93	98	120	HNK	
9	Bạch Ngọc Can-Phạm Thị Cảnh	Y 871269	12/3/2003	TT. Sa Thầy	8,33	35	17078.8	CN	
10	Võ Đức Dũng-Y Trup	BC 396065	8/3/2009	X. Hơ Moong	83	21	13546	HNK	
11	A Hoat	BC 396155	8/3/2009	X. Hơ Moong	93	21	8463	HNK	
12	Lê Hữu Cơ	AB 605170	4/1/2005	Sa Nghĩa	18,20,25	14	14470	Nương Rẫy	

13	A Chung-T. Tuấn	CE 320240	12/30/2010	A. HO MUONG	320	30	1223.9	CLN	
14	Lường Quốc Long	AG 430676	9/21/2006	Sa Nghĩa	21	12	825	ONT+HNK	
15	Trần Cao Hùng	Q 290801	10/25/1999	Sa Bình	54,52	5	9635	ĐRM	
16	Cao Thị Trỷ	W 711998	12/10/2002	Sa Nhon	45	69	7963	LN	
17	Lương Văn Khuyên	T 884834	7/6/2001	Ya Xiêr	6,18,40,45,91	24,26,27,31	10231	ONT+KTV+LUC+ĐRM	
18	Phạm Thanh Sơn-Nguyễn Thị Đầm	AC 932930	8/22/2005	TT. Sa Thầy	10A	35	440	HNK	
19	Hồ Thị Bán	AH 006968	2/26/2007	TT. Sa Thầy	21	81	220	ODT	
20	Phạm Thị Vân	CO 261372	7/12/2019	Sa Nhon	771	19	1085.5	ONT+CLN	